

CHI CỤC AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM	
Số...	S.20... ngày 29/9/2020.
CÔNG	CHUYÊN
VĂN	Lãnh đạo CC.....
ĐẾN	Phòng. VP. Lưu h. S.
	Sao.....



**TÂM ĐỨC**®

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**  
**Số: 119/TAMDUC/2019**

-----  
**TÊN SẢN PHẨM**

**MẮM TÉP ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

*Số: 119/TAMDUC/2019*

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm**

1. Tên tổ chức : **Hợp tác xã thủy sản Tâm Đức**
  2. Địa chỉ: **Số 38 Thăng Lợi - phường Quỳnh Lôi - Quận Hai Bà Trưng- TP. Hà Nội .**
  3. Điện thoại: **0221.3900068 – 0989516353 Fax: 0221.3900069**
  4. E-mail: [Tamduc.seafood@gmail.com](mailto:Tamduc.seafood@gmail.com)
  5. Mã số doanh nghiệp: **0107D000016** cấp thay đổi lần thứ 04 ngày 24/01/2019.
  6. Số Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện ATTP: 03/2019/NNPTNT -0321; Ngày cấp 15/01/2019
- Nơi cấp: Chi cục quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản tỉnh Hưng Yên

**II. Thông tin về sản phẩm**

1. Tên sản phẩm : **Mắm tép đông**
2. Thành phần: Tép riu (80%), muối, đường kính, tinh gạo rang.
3. Thời hạn sử dụng sản phẩm : 24 tháng kể từ ngày sản xuất  
NSX & HSD được thể hiện rõ trên nhãn mác của sản phẩm.
4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:
  - Chất lượng bao bì : Bao bì đóng gói là chai thủy tinh ; chai nhựa (Pet) đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của Bộ Y Tế.
  - Quy cách đóng gói (Khối lượng tịnh ): **180 g, 300 g, 500 g, 1 kg, 5 kg,...**
  - Khi chiết ra chai để trong kho từ 60 đến 75 ngày với nhiệt độ bình thường để theo dõi chất lượng.
5. Hướng dẫn sử dụng:
  - Dùng để chưng thịt. Làm gia vị cho các món thịt luộc (thêm vào chanh, đường, ớt tùy khẩu vị rồi khuấy đều). Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, đậy kín nắp sau khi sử dụng.
  - Khuyến cáo: không dùng sản phẩm khi đã hết hạn.

6. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm :

HTX thủy sản Tâm Đức – Chi nhánh Văn Giang – Hưng Yên

Địa chỉ : Thôn Đại Tài – xã Nghĩa Trụ - huyện Văn Giang - tỉnh Hưng Yên.

7. Xuất xứ và tổ chức chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa

Tên tổ chức : Hợp tác xã thủy sản Tâm Đức

Địa chỉ: Số 38 Thăng Lợi - phường Quỳnh Lôi - Quận Hai Bà Trưng- TP. Hà Nội .

Địa chỉ sản xuất: HTX thủy sản Tâm Đức – Chi nhánh Văn Giang – Hưng Yên

Thôn Đại Tài – xã Nghĩa Trụ - huyện Văn Giang - tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0221.3900068 – 0989516353 Fax: 0221.3900069

Mắm tép được Tâm Đức đặt hàng theo tiêu chuẩn cơ sở của Tâm Đức từ hộ cá nhân Dương Thị Sâm.

Địa chỉ: Thôn Thanh Xuyên, xã Hải Thanh, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa, có hợp đồng mua bán và đáp ứng đủ điều kiện VSATTP.

Dán nhãn và đóng gói tại: HTX thủy sản Tâm Đức – Chi nhánh Văn Giang – Hưng Yên

Thôn Đại Tài – xã Nghĩa Trụ - huyện Văn Giang - tỉnh Hưng Yên.

### III. Mẫu nhãn sản phẩm dự kiến

#### 1. Tên sản phẩm

## MẮM TÉP ĐỒNG

2. Thành phần: Tép riu (80%), muối, đường kính, thính gạo rang.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm : 24 tháng kể từ ngày sản xuất

NSX:

HSD:

4. Quy cách đóng gói (Khối lượng tịnh ): **180 g, 300 g, 500 g, 1 kg, 5 kg,...**

Sản xuất tại Việt Nam

5. Hướng dẫn sử dụng:

- Dùng để chung thịt. Làm gia vị cho các món thịt luộc (thêm vào chanh, đường, ớt tùy khẩu vị rồi khuấy đều). Bảo quản nơi khô ráo thoáng mát, tránh ánh nắng mặt trời, đậy kín nắp sau khi sử dụng.

- Khuyến cáo: không dùng sản phẩm khi đã hết hạn.

6. Tổ chức chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa:

Tên tổ chức : Hợp tác xã thủy sản Tâm Đức

Địa chỉ: Số 38 Thăng Lợi - phường Quỳnh Lôi - Quận Hai Bà Trưng- TP. Hà Nội .

Địa chỉ sản xuất: HTX thủy sản Tâm Đức – Chi nhánh Văn Giang – Hưng Yên

Thôn Đại Tài – xã Nghĩa Trụ - huyện Văn Giang - tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0221.3900068 – 0989516353 Fax: 0221.3900069

7. SX theo TC số: 119/TAMDUC/2019

#### IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Hợp tác xã Thủy sản Tâm Đức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Nghị định số **15/2018/NĐ-CP** quy định chi tiết một số điều luật của Luật An toàn thực phẩm 2010.
- Nghị định **43/2017/NĐ-CP** quy định về nhãn hàng hóa.
- Quy chuẩn quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (**QCVN 8-2:2011/BYT**)
- Quyết định **46/2007/QĐ-BYT** về giới hạn tối đa ô nhiễm hóa học, sinh học trong thực phẩm.

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hung Yên, ngày 22 tháng 9 năm 2020

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC**

(Ký tên, đóng dấu)



**GIÁM ĐỐC**  
*Nguyễn Quốc Hoàng*





BỘ Y TẾ  
**VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA**  
**NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL (NIFC)**  
 Địa chỉ: Số 65 Phạm Thân Duật - Mai Dịch - Cầu Giấy - Hà Nội - Việt Nam  
 Điện thoại: 84-2432262215 - 84-2432262216 Fax: 84-2439335738 \* Website: www.nifc.gov.vn

Số: 25651/PKN-VKNQG

**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**  
**TEST REPORT**

**BẢN SAO**

- Tên mẫu: Mắm tép đồng - Tâm Đức
- Mã số mẫu: 09207608/DV.15
- Mô tả mẫu: Nguyên lọ 180 g - Số lượng: 3  
NSX: 09/09/2020 - HSD: 09/09/2021
- Số lượng mẫu: 01 mẫu
- Thời gian lưu mẫu: Theo hướng dẫn NIFC.01.G.01
- Ngày nhận mẫu: 10/09/2020
- Thời gian thử nghiệm: 10/09/2020 - 21/09/2020
- Nơi gửi mẫu: Hợp Tác xã Thủy Sản Tâm Đức  
Địa chỉ: 38 Thăng Lợi, Phường Quỳnh Lôi, Quận Hai Bà Trưng, TP Hà Nội - Địa chỉ SX: HTX thủy sản Tâm Đức - Chi nhánh Văn Giang Hưng Yên. Đ/C: Thôn Đại Tài, Xã Nghĩa Trụ, Huyện Văn Giang, Tỉnh Hưng Yên
- Kết quả thử nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý và Vi sinh vật

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị	Phương pháp thử	Kết quả
9.1*	<i>V. parahaemolyticus</i>	/25g	ISO 21872-1:2017	KPH
9.2*	<i>Salmonella</i> spp.	/25g	TCVN 10780-1:2017	KPH
9.3	<i>S. aureus</i>	CFU/g	Ref. TCVN 4830-1:2005	KPH (LOD: 10 CFU/g)
9.4*	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/g	TCVN 4884-1:2015	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.5*	<i>Cl. perfringens</i>	CFU/g	TCVN 4991:2005	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.6*	Coliforms	CFU/g	TCVN 6848:2007	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.7*	<i>E. coli</i>	CFU/g	TCVN 7924-2:2008	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.8*	Tổng số nấm men, nấm mốc	CFU/g	TCVN 8275-2:2010	KPH (LOD: 1 CFU/g)
9.9	Định tính H <sub>2</sub> S	-	TCVN 3699:1990	Âm tính
9.10	Hàm lượng Nitơ amoniac	g/kg	TCVN 3705, 3706:1990	4,52
9.11*	Hàm lượng NaCl	g/100g	NIFC.02.M.07	15,4
9.12*	Hàm lượng Nitơ toàn phần	g/kg	TCVN 3705:1990	25,0
9.13*	Hàm lượng Cadmi	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	0,11
9.14*	Hàm lượng Thủy ngân	mg/kg	NIFC.03.M.45 (ICP-MS)	KPH (LOD: 0,003 mg/kg)
9.15	Cảm quan	-	NIFC.05.M.199	Mẫu dạng sánh đặc, màu nâu sẫm, mùi thơm tự nhiên của mắm tép, không có mùi lạ, vị ngọt đậm, không chất

Ghi chú: KPH - Không phát hiện (nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử-LOD)

**CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH**

Số chứng thực: *1111* / Quyển số: *01* SCT/BS



Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2020

KT. VIỆN TRƯỞNG



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

PHÓ CHỦ TỊCH

**LÊ THANH HẢI**